

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 452/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 20 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố 04 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực dân tộc

UBND HUYỆN PHÚ THIÊN thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã

ĐẾN

Số: 157

Ngày: 20.5.2016

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Cục Kiểm soát TTHC-Bộ Tư pháp;
- Phòng Dân tộc, UBND cấp xã (UBND cấp huyện sao gửi);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành



Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 452/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
2	Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015
3	Xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK
4	Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Bình chọn người có uy tín

Căn cứ văn bản chỉ đạo của UBND xã, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn chủ trì, phối hợp với Chi ủy, Trưởng thôn, đại diện các đoàn thể và hộ gia đình trong thôn tổ chức hội nghị liên ngành bình chọn người có uy tín bằng một trong hai hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín (do hội nghị quyết định). Người được bình chọn phải đạt trên 50% tổng số đại biểu dự họp tán thành (trường hợp lần 1 chưa bình chọn được thì tiến hành bình chọn lần 2 theo trình tự nêu trên, nếu không bình chọn được thì thôn đó không có người có uy tín); Trưởng thôn lập 01 bộ tài liệu gồm văn bản đề nghị gửi UBND xã kèm theo biên bản hội nghị liên ngành

thôn (theo Biểu mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC).

Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các tài liệu hợp lệ của thôn và hoàn thành trước ngày 20 tháng 01 hằng năm.

Bước 2. Rà soát kết quả bình chọn người có uy tín

UBND xã kiểm tra, rà soát kết quả bình chọn người có uy tín của các thôn trong xã; lập 01 bộ tài liệu gồm văn bản đề nghị gửi UBND huyện kèm theo biên bản họp của UBND xã kiểm tra, rà soát kết quả bình chọn người có uy tín của các thôn (theo Biểu mẫu 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC).

Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các tài liệu hợp lệ của các thôn và hoàn thành trước ngày 10 tháng 02 hằng năm.

Bước 3. Tổng hợp đề nghị xét công nhận người có uy tín

UBND huyện kiểm tra, tổng hợp đề nghị của các xã; lập 01 bộ tài liệu gồm văn bản đề nghị gửi Cơ quan công tác dân tộc tỉnh kèm theo biểu tổng hợp danh sách đề nghị xét công nhận người có uy tín của huyện.

Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tài liệu hợp lệ của xã và hoàn thành trước ngày 25 tháng 02 hằng năm.

Bước 4. Hoàn thiện hồ sơ, trình và phê duyệt danh sách người có uy tín

Cơ quan công tác dân tộc tỉnh kiểm tra, tổng hợp đề nghị xét công nhận người có uy tín của các huyện; lập 01 bộ hồ sơ gồm Tờ trình kèm theo Biểu tổng hợp danh sách (theo Biểu mẫu 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC), văn bản đề nghị của các huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh. Thời gian kiểm tra, tổng hợp, lập hồ sơ thực hiện không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các tài liệu hợp lệ của các huyện và trình Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 20 tháng 3 hằng năm.

Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh sách người có uy tín của tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc, thời gian hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 hằng năm và gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính (gồm: Quyết định phê duyệt và danh sách người có uy tín theo Biểu mẫu 03, đồng thời gửi qua thư điện tử theo địa chỉ: vudantochieuso@cema.gov.vn) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

c. Thành phần, số lượng hồ sơ



*Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số gửi UBND xã;

+ Biên bản hội nghị liên ngành thôn (theo biểu 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC).

*Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết

Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các tài liệu hợp lệ của các thôn và hoàn thành trước ngày 10 tháng 02 hằng năm.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Văn bản đề nghị gửi UBND huyện kèm theo biên bản họp của UBND xã kiểm tra, rà soát kết quả bình chọn người có uy tín của các thôn.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Biểu mẫu 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

*Yêu cầu:

- Là công dân Việt Nam, cư trú hợp pháp, ổn định ở vùng dân tộc thiểu số;
- Bản thân và gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương nơi cư trú; có nhiều công lao, đóng góp xây dựng và bảo vệ thôn, bản, buôn, làng, phum, sóc, ấp, tổ dân phố và tương đương, giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc;

- Là người tiêu biểu, có ảnh hưởng trong dòng họ, dân tộc, thôn và cộng đồng dân cư nơi cư trú; có mối liên hệ chặt chẽ, gắn bó với đồng bào dân tộc, hiểu biết về văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc; có khả năng quy tụ, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong phạm vi nhất định, được người dân trong cộng đồng tín nhiệm, tin tưởng, nghe và làm theo;

*Điều kiện:



- Thôn có từ 1/3 số hộ gia đình hoặc số nhân khẩu trở lên là người dân tộc thiểu số (thôn đủ điều kiện) được bình chọn, xét công nhận 01 (một) người có uy tín;

- Trường hợp thôn không đủ điều kiện nhưng cần bình chọn một người có uy tín hoặc thôn đủ điều kiện cần bình chọn hơn một người có uy tín do có nhiều dân tộc cùng sinh sống, ở địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, xung yếu, phức tạp về an ninh, trật tự: Căn cứ đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là huyện), Cơ quan công tác dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an, Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh và các ban, ngành liên quan tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định số lượng và việc bình chọn, xét công nhận người có uy tín đối với các thôn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBDT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2014, nhưng tổng số người có uy tín được bình chọn, xét công nhận toàn tỉnh không vượt quá tổng số thôn vùng dân tộc thiểu số của tỉnh.

I. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg;

- Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBDT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2014 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC ngày 10/01/2014)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn), ngày tháng năm

BIÊN BẢN

HỘI NGHỊ LIÊN NGÀNH THÔN

Hôm nay, ngày tháng năm, tại (ghi rõ địa điểm tổ chức) thôn..... xã tổ chức Hội nghị liên ngành thôn.

1. Thành phần

- Chủ trì: Ông (bà): Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.
- Thư ký (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện Chi ủy thôn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể (ghi rõ họ, tên, chức danh): Mỗi đoàn thể cử 01 người tham gia.
- Đại diện các hộ gia đình DTTS trong thôn (ghi rõ họ, tên): tối thiểu 03 hộ gia đình.

2. Nội dung

Bình chọn, đề nghị xét công nhận người có uy tín của thôn năm

3. Kết quả

Căn cứ Thông tư liên tịch số/2014/TTLT-UBND-BTC ngày .../01/2014 của liên bộ Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Sau khi thảo luận, xem xét, cuộc họp thống nhất:

- Ông (bà): năm sinh dân tộc đạt số phiếu (hoặc số người biểu quyết)...../tổng số phiếu (hoặc tổng số người)* =% bình chọn, đề nghị là người có uy tín của thôn năm

- Ông (bà): năm sinh dân tộc đạt số phiếu (hoặc số người biểu quyết)...../tổng số phiếu (hoặc tổng số người)*
=....% bình chọn, đề nghị là người có uy tín của thôn năm**

Các thành viên tham dự họp thống nhất thông qua và lập biên bản thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại thôn, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân xã. Biên bản thông qua và được% đại biểu dự họp tán thành. Cuộc họp kết thúc hồi giờ phút cùng ngày./.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện hộ dân
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện các Đoàn thể
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Chi ủy
(ký, ghi rõ họ tên)

(*) Bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay do Hội nghị quyết định. Đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn không tham gia bỏ phiếu hoặc biểu quyết bình chọn người có uy tín (tham dự với vai trò đại diện, giám sát); trường hợp bình chọn bằng bỏ phiếu kín, tổ kiểm phiếu phải có sự tham gia của đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn. Người được bình chọn, đề nghị là người có uy tín phải đạt trên 50% tổng số đại biểu dự họp tán thành và có tỷ lệ bình chọn cao nhất.

(**) Trường hợp có nhiều hơn số lượng người được bình chọn/thôn mà có kết quả bình chọn bằng nhau (ở lần bình chọn thứ 2) thì đưa cả vào danh sách bình chọn gửi UBND xã xem xét, quyết định.

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC ngày 10/01/2014)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

KIỂM TRA, RÀ SOÁT KẾT QUẢ BÌNH CHỌN, ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM

Hôm nay, vào hồi giờ ngày tháng năm tại UBND xã..... huyện..... tỉnh (thành phố).....

1. Thành phần

- Chủ trì: Ông (bà) Chủ tịch (hoặc Phó CT) UBND xã
- Thư ký: Ông (bà) (ghi rõ họ, tên, chức danh);
- Đại diện Đảng ủy xã (ghi rõ họ, tên, chức danh);
- Đại diện Ủy ban MTTQ xã (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể của xã (ghi rõ họ, tên, chức danh): Mỗi đoàn thể cử 01 người tham gia.

2. Nội dung

Kiểm tra, rà soát kết quả bình chọn, đề nghị xét công nhận người có uy tín của các thôn trong xã năm

3. Kết quả

Căn cứ tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Thông tư liên tịch số/2014/TTLT-UBND-BTC ngày .../01/2014 của liên bộ Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Biên bản Hội nghị liên ngành của các thôn gửi Ủy ban nhân dân xã về việc bình chọn, đề nghị xét công nhận người có uy tín;

Sau khi kiểm tra, rà soát kết quả bình chọn, đề nghị xét công nhận người có uy tín của các thôn, các đại biểu dự họp đã thảo luận và thống nhất các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện đề nghị công nhận là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm (theo biểu kèm theo biên bản này).

Các thành viên tham dự họp thống nhất lập biên bản thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại UBND xã, 01 bản gửi UBND huyện.

Biên bản thông qua và được% đại biểu dự họp tán thành. Cuộc họp kết thúc hồi giờ phút cùng ngày./.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đại diện các Đoàn thể xã
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBMTTQ xã
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Đảng ủy xã
(ký, ghi rõ họ tên)

**TỔNG HỢP KIỂM TRA, RÀ SOÁT KẾT QUẢ BÌNH CHỌN, ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN NGƯỜI CÓ UY TÍN CỦA CÁC THÔN TRONG XÃ NĂM....**

(Kèm theo Biên bản họp UBND xã... .. ngày tháng... .. năm... ..)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú	Kết quả kiểm tra, rà soát		
			Nam	Nữ			Đủ điều kiện	Không đủ điều kiện	Lý do*
Tổng số									

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Nêu rõ lý do các trường hợp đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện trong danh sách bình chọn, đề nghị của các thôn gửi UBND xã.

- Trường hợp thôn gửi danh sách đề nghị công nhận người có uy tín vượt quá số lượng người có uy tín được bình chọn (do có kết quả bình chọn ở Hội nghị liên ngành thôn cao bằng nhau) thì các thành viên tham gia dự họp của UBND xem xét, quyết định chọn đủ số lượng người có uy tín được bình chọn của thôn đó.

2. Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hàng năm, ngay sau khi có kết quả phê duyệt danh sách hộ nghèo, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các thôn tổ chức cho hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đăng ký vay vốn. Các hộ thuộc đối tượng thực hiện đăng ký vay vốn tại thôn, bản kèm theo phương án sử dụng vốn. Thời gian hoàn thành: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Trưởng thôn tập hợp danh sách đăng ký vay vốn; chủ trì, phối hợp với đại diện các tổ chức chính trị - xã hội tại thôn, có sự tham gia của đại diện một số hộ gia đình trong danh sách tổ chức họp bình xét, phân loại các hộ thuộc đối tượng được vay vốn, ưu tiên những hộ khó khăn hơn và những hộ chưa được vay theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg*) được vay vốn trước. Việc họp bình xét được lập thành biên bản, có chữ ký xác nhận của trưởng thôn, đại diện hộ gia đình và các tổ chức chính trị - xã hội tại thôn. Thời gian hoàn thành: Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày các hộ đăng ký vay vốn.

Bước 3: Trưởng thôn lập danh sách hộ đề nghị được vay vốn theo thứ tự ưu tiên đã họp bình xét tại khoản 2 Điều này, kèm theo Biên bản họp bình xét gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Thời gian hoàn thành: Trong 01 ngày làm việc, kể từ ngày họp bình xét.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, tổng hợp, xác nhận danh sách các hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đề nghị được vay vốn theo thứ tự ưu tiên của xã, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Thời gian hoàn thành: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của các thôn.

Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định phê duyệt danh sách hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên; chuyển danh sách sang Ngân hàng Chính sách xã hội để tiến hành cho vay theo đúng thứ tự ưu tiên tại danh sách và tuân thủ quy trình, thủ tục do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định. Đồng thời gửi danh sách đã phê duyệt cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo tới các hộ được xét cho vay vốn. Thời gian xem xét phê duyệt là 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của các xã, phường, thị trấn.

Các hộ có trong danh sách đã được phê duyệt liên hệ trực tiếp với tổ tiết kiệm và vay vốn tại thôn nơi cư trú để làm thủ tục vay vốn.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*Thành phần hồ sơ:

- Phương án sử dụng vốn do hộ gia đình lập, có chữ ký, hoặc điểm chỉ của chủ hộ.

- Biên bản họp thôn có chữ ký xác nhận của Trưởng thôn, đại diện hộ gia đình và các Tổ chức Chính trị - xã hội tại thôn.

- Danh sách hộ đề nghị được vay vốn do trưởng thôn lập kèm theo biên bản họp bình xét gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Bản tổng hợp xác nhận danh sách các hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đề nghị được vay vốn theo thứ tự ưu tiên của cấp xã, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

*Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Tổ trưởng, trưởng thôn và cán bộ chuyên trách

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt danh sách hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên.

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Hộ dân tộc thiểu số thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 02/2013/TT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc phải có các tiêu chí sau:

- Cư trú hợp pháp, ổn định ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 30/6/2009, Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 01/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định bổ sung danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn của Thủ tướng Chính phủ; trường hợp không xác định được nơi cư trú của hộ thì nơi cư trú của hộ là nơi hộ đang sinh sống và có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn.

- Là hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, có mức thu nhập bình quân từ 200.000đồng/người/tháng trở xuống đối với khu vực nông thôn và từ 250.000đồng/người/tháng trở xuống đối với khu vực thành thị.

Đối với các địa phương tự cân đối được ngân sách mà có quy định riêng về chuẩn nghèo ở mức cao hơn, thì áp dụng tiêu chí hộ có mức thu nhập bình quân đầu người hàng tháng từ 50% trở xuống theo chuẩn nghèo của địa phương đó quy định.

- Có phương án sử dụng vốn vay do chủ hộ lập, có chữ ký (hoặc điểm chỉ) của chủ hộ; trường hợp những hộ không tự lập được phương án thì một trong các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, bản, buôn, làng, ấp, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, cùng với hộ để lập phương án.

Việc xét duyệt đối tượng vay vốn được tiến hành theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2013/TT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013, đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015.

- Thông tư số 02/2013/TT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 54/QĐ-TTg ngày 4 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công văn số 1423/VPCP-KTTH ngày 07/3/2016 của Văn phòng Chính phủ V/v bổ sung đối tượng và kéo dài thời gian giải ngân vốn vay thực hiện theo các Quyết định 54/2012/QĐ-TTg, 29/2013/QĐ-TTg và 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 191/UBNDT-CSDT ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc về việc giải ngân nguồn vốn vay thực hiện các chính sách dân tộc.

3. Xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK

a. Trình tự thực hiện

- Trưởng thôn tổ chức họp mời đại diện tất cả các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách của thôn có trong danh sách hộ nghèo của xã, thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận chỉ đạo của xã.

Các hộ đăng ký với trưởng thôn nhu cầu hưởng chính sách hỗ trợ; trưởng thôn lập danh sách các hộ đăng ký. Thời gian hoàn thành trong 3 ngày làm việc kể từ ngày thôn tổ chức họp thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã.

- Trưởng thôn tổ chức họp thôn bình xét công khai có đại diện của các tổ chức chính trị - xã hội tại thôn, đại diện một số hộ gia đình có trong danh sách; Trưởng thôn lập hồ sơ (gồm biên bản họp bình xét và danh sách theo thứ tự ưu tiên những hộ thuộc diện gia đình chính sách, hộ khó khăn hơn) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 2 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đăng ký.

- Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp hồ sơ của các thôn, tổ chức kiểm tra quy trình bình xét ở thôn; lập danh sách thứ tự ưu tiên tại xã có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; lập 02 bộ hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách) gửi 01 bộ cho Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các thôn.

- Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện rà soát, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu của các xã, lập hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm

theo danh sách của từng xã chi tiết đến từng hộ, từng thôn) gửi Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xã.

- Cơ quan công tác dân tộc tỉnh tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập Đề án gửi Ủy ban Dân tộc thẩm tra trước khi phê duyệt. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cấp huyện.

Hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân tỉnh được lập thành 5 bộ gồm: Đề án do Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng (thuyết minh nội dung, các phụ lục kèm theo và văn bản đề nghị cho ý kiến), gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và lưu tại Cơ quan công tác dân tộc tỉnh 1 bộ.

- Ủy ban Dân tộc xem xét Đề án của các địa phương và có ý kiến bằng văn bản. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đề án hợp lệ của địa phương.

- Căn cứ ý kiến thẩm tra của Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thành, phê duyệt và giao cho các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện.

b. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ: Biên bản họp bình xét, kèm theo danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các thôn.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Biên bản họp bình xét;
- Danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg.

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Quyết định 755/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo hạn mức bình quân chung do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định, có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách được nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;

Đối với các địa phương có quy định chuẩn nghèo cao hơn quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc vận dụng chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg; kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

- Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

4 . Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015

a. Trình tự thực hiện:

- Các bước tiến hành ở thôn:

Bước 1: Trưởng thôn tổ chức họp phổ biến các tiêu chí thôn ĐBKK và thông tin về các số liệu, chỉ tiêu thực tế của thôn theo từng tiêu chí; tổng hợp kết quả xác định thôn (bản, buôn, làng, ấp...) thuộc diện ĐBKK hay không thuộc diện ĐBKK theo Mẫu biểu số 01 kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-UBND;

Bước 2: Hợp thôn lấy ý kiến thông qua các số liệu, chỉ tiêu thực tế của thôn và kết quả đối chiếu với từng tiêu chí quy định tại Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg để xác định thôn thuộc diện ĐBKK hay không thuộc diện ĐBKK. Kết quả xác định thôn thuộc diện ĐBKK hay không thuộc diện ĐBKK chỉ được thông qua khi có ít nhất 2/3 đại diện các hộ gia đình trong thôn tham gia cuộc họp và trên 50% số người dự họp biểu quyết đồng ý;

Bước 3: Trưởng thôn làm văn bản gửi Chủ tịch UBND xã về kết quả xác định thôn kèm theo Biên bản họp thôn có chữ ký của Trưởng thôn và người ghi Biên bản.

Thời gian hoàn thành tất cả các bước ở thôn không quá 15 ngày làm việc.

- Các bước tiến hành ở cấp xã:

Bước 1: UBND cấp xã tổng hợp kết quả xác định các thôn trong xã. Căn cứ vào các số liệu, tài liệu liên quan của xã, đối chiếu với các chỉ tiêu trong từng tiêu chí quy định tại Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg, UBND xã xác định xã thuộc khu vực I, II hoặc III theo Mẫu biểu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-UBND;

Bước 2: UBND cấp xã tổ chức họp thông qua kết quả xác định thôn ĐBKK, xã thuộc khu vực I, II hoặc III. Thành phần tham gia cuộc họp gồm đại diện: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị xã hội và tất cả các Trưởng thôn trong xã. Kết quả xác định thôn ĐBKK, xã thuộc khu vực I, II hoặc III chỉ được thông qua khi có ít nhất 2/3 thành viên tham gia cuộc họp và trên 50% tổng số đại biểu tham dự đồng ý bằng hình thức biểu quyết;

Bước 3: Chủ tịch UBND xã làm tờ trình gửi UBND cấp huyện về kết quả xác định thôn ĐBKK, xã thuộc khu vực I, II hoặc III; gửi kèm Biên bản họp của xã có chữ ký của: Đảng ủy, UBND, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam, đại diện Trưởng thôn và danh sách thôn ĐBKk của xã (Mẫu biểu số 03 kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-UBND).

Thời gian hoàn thành tất cả các bước ở cấp xã không quá 15 ngày làm việc.

- Các bước tiến hành ở cấp huyện:

Bước 1: Chủ tịch UBND huyện ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn giúp Chủ tịch UBND huyện xét duyệt thôn ĐBKk, xã thuộc khu vực I, II, III. Thành phần Hội đồng tư vấn gồm có: Một đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên là đại diện các phòng chuyên môn liên quan của UBND huyện, mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tham gia;

Bước 2: Hội đồng tư vấn huyện căn cứ vào tình hình thực tế của từng thôn, xã, đối chiếu với các tiêu chí thôn ĐBKk, tiêu chí xác định xã tại Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg để giúp Chủ tịch UBND huyện xét duyệt thôn ĐBKk của từng xã và xếp các xã vào từng khu vực;

Bước 3: Chủ tịch UBND huyện trình UBND tỉnh kết quả xét duyệt thôn ĐBKk và danh sách xã thuộc khu vực I, II, III của huyện theo Mẫu biểu số 04, số 05 kèm theo Thông tư này và Biên bản họp Hội đồng tư vấn cấp huyện.

Thời gian hoàn thành tất cả các bước xét duyệt thôn ĐBKk, xã thuộc khu vực I, II, III ở cấp huyện không quá 15 ngày làm việc.

- Các bước tiến hành ở cấp tỉnh:

Bước 1: Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xét duyệt thôn ĐBKk, xã thuộc khu vực I, II, III. Thành phần Hội đồng tư vấn tỉnh gồm: Một đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, lãnh đạo Cơ quan làm công tác dân tộc tỉnh làm Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên là đại diện các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông và Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa - Thể thao và Du lịch và một số sở, ngành liên quan. Mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tham gia;

Bước 2: Hội đồng tư vấn cấp tỉnh căn cứ báo cáo kết quả xét duyệt của Chủ tịch UBND các huyện và tình hình cụ thể của địa phương, trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ rà soát, xét duyệt các thôn ĐBKk và các xã thuộc khu vực I, II, III;

Bước 3: Chủ tịch UBND tỉnh làm văn bản gửi Ủy ban Dân tộc đề nghị phê duyệt danh sách thôn ĐBKK, xã thuộc khu vực I, II, III theo Mẫu biểu số 04, số 05 kèm theo Thông tư này và Biên bản họp Hội đồng tư vấn cấp tỉnh.

Thời gian hoàn thành tất cả các bước xét duyệt thôn ĐBKK, xã thuộc khu vực I, II, III ở cấp tỉnh không quá 20 ngày làm việc.

Riêng rà soát, xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực I, II, III lần đầu theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ hoàn thành, gửi Ủy ban Dân tộc trước ngày 30 tháng 3 năm 2013.

c. Cách thức thực hiện:

- Qua bưu điện
- Qua thư điện tử
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

d. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản của Trưởng thôn về kết quả xác định thôn thuộc diện ĐBKK hay không thuộc diện ĐBKK;
- + Biểu tổng hợp kết quả xác định thôn (theo Mẫu biểu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-UBND);
- + Biên bản họp thôn.

*Số lượng hồ sơ: (01 bộ)

đ. Thời hạn giải quyết: Thời gian hoàn thành tất cả các bước ở cấp xã không quá 15 ngày làm việc.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

g. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Trưởng thôn, làng, tổ dân phố; UBND cấp xã
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đoàn thể, cơ quan có liên quan

h. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kết quả xác định thôn ĐBKK, xã thuộc khu vực I, II hoặc III; Biên bản họp của xã có chữ ký của: Đảng ủy, UBND, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Trưởng thôn và danh sách thôn ĐBKK của xã.

i. Lệ phí: Không.

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu số 01, 02, 03 (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-UBND)

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thôn đặc biệt khó

khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

***Tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn:**

Thôn đặc biệt khó khăn là thôn có đủ 3 tiêu chí sau:

1. Có đủ 2 điều kiện sau:

a) Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 55% trở lên; trong đó tỷ lệ hộ nghèo phải từ 25% trở lên.

b) Có ít nhất 2 trong 3 yếu tố sau:

- Trên 80% lao động chưa qua đào tạo nghề.
- Trên 50% số hộ không có nhà tiêu hợp vệ sinh.
- Trên 30% số hộ thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

2. Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện:

a) Trên 20% số hộ thiếu đất sản xuất.

b) Trên 50% diện tích đất canh tác có nhu cầu tưới tiêu, nhưng chưa được tưới tiêu.

c) Có 1 trong 2 yếu tố:

- Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư thôn, bản.
- Dưới 10% số hộ làm nghề phi nông nghiệp.

3. Có đủ 2 điều kiện sau:

a) Chưa có đường giao thông từ thôn đến trung tâm xã được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới.

b) Có ít nhất 1 trong 3 yếu tố sau:

Chưa đủ phòng học cho các lớp mẫu giáo theo quy định.

- Trên 30% số hộ chưa có điện sinh hoạt.
- Chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt chuẩn.

*Xã thuộc vùng dân tộc và miền núi được xác định theo 3 khu vực: Xã khu vực III là xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhất; xã khu vực II là xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định; xã khu vực I là các xã còn lại.

1. Tiêu chí xã khu vực III:

Xã khu vực III là xã có ít nhất 4 trong 5 tiêu chí sau:

a) Số thôn đặc biệt khó khăn còn từ 35% trở lên (tiêu chí bắt buộc).

b) Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 45% trở lên; trong đó tỷ lệ hộ nghèo phải từ 20% trở lên.

c) Có ít nhất 3 trong 5 điều kiện sau:

- Đường trục xã, liên xã chưa được nhựa hóa, bê tông hóa.
- Còn có ít nhất một thôn chưa có điện lưới quốc gia.
- Chưa đủ phòng học cho lớp tiểu học hoặc các lớp học ở thôn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Trạm y tế xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.
- Nhà văn hóa xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

d) Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện sau:

- Còn từ 30% số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề trên 60%.
- Trên 50% cán bộ chuyên trách, công chức xã chưa đạt chuẩn theo quy định.

đ) Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện:

- Còn từ 20% số hộ trở lên thiếu đất sản xuất theo quy định.
- Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư xã đạt chuẩn.
- Dưới 10% số hộ làm nghề phi nông nghiệp.

2. Tiêu chí xã khu vực II

Xã khu vực II là xã có ít nhất 4 trong 5 tiêu chí sau:

a) Có dưới 35% số thôn đặc biệt khó khăn (tiêu chí bắt buộc).

b) Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 20% đến dưới 45%; trong đó tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20%.

c) Có ít nhất 2 trong 4 điều kiện sau:

- Đường trục xã, liên xã đến thôn chưa được nhựa hóa, bê tông hóa.
- Còn có thôn chưa có điện lưới.
- Chưa đủ phòng học cho lớp tiểu học hoặc các lớp học ở thôn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trạm y tế xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

d) Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện sau:

- Có dưới 30% số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề từ 30% đến dưới 60%.
- Có từ 30% đến dưới 50% cán bộ chuyên trách, công chức xã chưa đạt chuẩn theo quy định.

đ) Có ít nhất 1 trong 2 điều kiện:

- Còn từ 10% đến dưới 20% số hộ thiếu đất sản xuất theo quy định.
- Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư xã đạt chuẩn.

3. Tiêu chí xã khu vực I: Là các xã còn lại thuộc vùng dân tộc và miền núi không phải xã khu vực III và xã khu vực II.

- Việc xác định được tiến hành theo đúng quy trình, thủ tục quy định tại Điều 5, Điều 7 Thông tư số 01/2012/TT-UBND, đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng.

m. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015;

- Thông tư số 01/2012/TT-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

BẢNG XÁC ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2012

của Ủy ban Dân tộc)

Thôn Xã huyện tỉnh

TT	Các tiêu chí	Số liệu thực tế của thôn	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Tỷ lệ hộ nghèo của thôn		%	
2	Tỷ lệ hộ cận nghèo của thôn		%	
3	Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo		%	
4	Tỷ lệ số hộ không có nhà tiêu hợp vệ sinh		%	
5	Tỷ lệ số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh		%	
6	Tỷ lệ hộ thiếu đất sản xuất		%	
7	Tỷ lệ diện tích đất canh tác chưa được tưới tiêu		%	
8	Cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư thôn		Người	
9	Tỷ lệ hộ làm nghề phi nông nghiệp		%	
10	Đường giao thông từ thôn đến trung tâm xã			Đạt hay chưa
11	Phòng học cho lớp mẫu giáo			Đủ hay thiếu
12	Tỷ lệ số hộ chưa có điện sinh hoạt		%	
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng đạt chuẩn			Có hay chưa
Tự đánh giá thôn thuộc diện ĐBKK hay không				

**BẢNG XÁC ĐỊNH XÃ THUỘC KHU VỰC I, II, III VÙNG
DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2012
của Ủy ban Dân tộc)

Xã huyện tỉnh

TT	Các tiêu chí	Số liệu thực tế của xã	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Tỷ lệ thôn ĐBKK của xã		%	
2	Tỷ lệ hộ nghèo của xã		%	
3	Tỷ lệ hộ cận nghèo của xã		%	
4	Trục đường xã (hoặc liên xã) đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa hay chưa?			Ghi cụ thể loại đường giao thông
5	Số thôn có điện lưới quốc gia/tổng số thôn của xã		%	
6	Phòng học cho lớp tiểu học hoặc lớp học thôn bản			Ghi đủ hay chưa
7	Trạm y tế xã			Ghi đã đạt chuẩn của Bộ Y tế hay chưa
8	Nhà văn hóa xã			Ghi đã đạt chuẩn của Bộ VH-TT&DL hay chưa
9	Tỷ lệ số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh		%	
10	Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo		%	
11	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách, công chức xã chưa đạt chuẩn		%	
12	Tỷ lệ hộ thiếu đất sản xuất		%	
13	Cán bộ khuyến nông, khuyến lâm xã đạt chuẩn			Đã đạt hay chưa
14	Tỷ lệ hộ làm nghề phi nông nghiệp		%	
Tự đánh giá xã thuộc khu vực I, II hay III				

(Kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban Dân tộc)

Xã huyện tỉnh

[illegible]

Cột 1: Ghi tên tất cả các thôn hiện nay của xã

Cột 2 và 3: Đánh dấu X vào ô tương ứng nếu là thôn ĐBK

Cột 8: Ghi tỷ lệ hộ nghèo của thôn (theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 01 năm 2011)

Cột 9: Ghi tỷ lệ hộ cận nghèo của thôn (theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 01 năm 2011)

